

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2026

“Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Hương và ông Nguyễn Văn Bảy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 281/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2026 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh ngày 26/9/1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, phường Q (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An. Số CC: 040194016354.

Bị đơn: Anh Vũ Xuân T1, sinh ngày 17/3/1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, phường Q (xã Q, thị xã H cũ), tỉnh Nghệ An. Số CC: 040093021796.

Địa chỉ hiện nay: Đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Vũ Xuân T1 đăng ký kết hôn ngày 27/12/2015 tại UBND xã Q nay là UBND phường Q trên cơ sở tự nguyện. Anh Tú đi xuất khẩu lao động từ năm 2017. Cuối năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Nay chị T xét thấy không còn tình cảm. Chị Trương Thị T đề nghị được ly hôn anh Vũ Xuân T1.

Về con: Vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 01/10/2016; Vũ Ngọc M, sinh ngày 03/04/2020. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị T. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Hiện nay chị T đang làm spa thu nhập mỗi tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Chị Trương Thị T đề nghị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị T xin chịu cả theo quy định pháp luật.

Tại văn bản số 775/UBND-VP ngày 20 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Q cung cấp: Chị Trương Thị T và anh Vũ Xuân T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là phường Q, tỉnh Nghệ An); ngày đăng ký 27/12/2015 (vào Sổ đăng ký kết hôn số 63/2015; Quyền số 01/2015). Chị Trương Thị T và anh Vũ Xuân T1 có 02 con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 01/10/2016 đã đăng ký khai sinh tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là phường Q, tỉnh Nghệ An) ngày đăng ký: 24/10/2016 (vào Sổ đăng ký khai sinh số 251/2016, Q số 02/2016); Vũ Ngọc M, sinh ngày 03/04/2020 đã đăng ký khai sinh tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là phường Q, tỉnh Nghệ An) ngày đăng ký: 18/05/2020 (vào Sổ đăng ký khai sinh số 92/2020, Quyền số 01/2020). Việc nội dung mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 UBND phường Q không nắm được. Chị Trương Thị T và anh Vũ Xuân T1, làm nghề gì, thu nhập bình quân hàng tháng bao nhiêu UBND phường Q không nắm được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với anh T1 đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Nghệ An xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 4964/QLXNC-Đ1 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh N cung cấp: Công dân Vũ Xuân T1, sinh ngày 17/3/1993, số CCCD 040093021796 đã sử dụng hộ chiếu số C2669334 để xuất nhập cảnh nhiều lần, cụ thể: Ngày 11/9/2017 xuất cảnh qua cửa khẩu S; Ngày 21/6/2018 nhập cảnh qua cửa khẩu S; Ngày 19/8/2018 xuất cảnh qua cửa khẩu S; Ngày 21/6/2019 nhập cảnh qua cửa khẩu S; Ngày 19/8/2019 xuất cảnh qua cửa khẩu S. Vậy phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh N trao đổi để Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An biết, phối hợp thực hiện.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T3; Điều 6 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T. Đề nghị xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Vũ Xuân T1.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 01/10/2016; Vũ Ngọc M, sinh ngày 03/04/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vũ Xuân T1 vì chị Trương Thị T chưa yêu cầu. Anh Vũ Xuân T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản: Chị Trương Thị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Vũ Xuân T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị Trương Thị T hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân T1 hiện cư trú ở nước ngoài. Trước xuất cảnh, anh Vũ Xuân T1 có địa chỉ cư trú tại phường Q, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Vũ Xuân T1 vắng mặt, Tòa án đã giao trách nhiệm cho ông Vũ T2 và bà Hồ Thị X (là bố mẹ đẻ của anh Vũ Xuân T1) cung cấp địa chỉ của bị đơn. Tuy nhiên, ông Vũ T2 và bà Hồ Thị X không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh T1. Đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T1 liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh T1 trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Vũ Xuân T1 được UBND xã Q nay là UBND phường Q cấp giấy chứng nhận kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên hợp pháp. Đến năm 2024 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Từ khi mâu thuẫn cho đến nay gia đình hai bên tích cực khuyên bàn vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Xuân T1 là có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 01/10/2016; Vũ Ngọc M, sinh ngày 03/04/2020. Hiện nay 02 con chung đang ở với chị T. Ly hôn T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Từ trước đến nay chị T nuôi con vẫn đảm bảo. Chị T đang làm spa thu nhập mỗi tháng 10 triệu đồng nên đảm bảo nuôi con chung. Hiện nay anh T1 đang đi nước Hàn Quốc không trực tiếp chăm sóc con chung được. Vì vậy cần giao 02 con chung cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 vì chị T chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51,

53, 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T3.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Vũ Xuân T1.

Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Ngọc D, sinh ngày 01/10/2016 và Vũ Ngọc M, sinh ngày 03/04/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vũ Xuân T1 vì chị Trương Thị T chưa yêu cầu. Anh Vũ Xuân T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002824 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Vũ Xuân T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Q;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn